

Bản án số: 03 /2019/HSST

Ngày:25/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SA PA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nghiêm Mạnh Quân

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Bằng

Ông Vũ Minh Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Toàn- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sa Pa.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thị xã Sa Pa tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2020 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Sa Pa. Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37 /2019/TLST-HS ngày 26/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Thị N**; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 05/10/1985 tại huyện H, tỉnh T.

Nơi cư trú: **Tổ 4a, thị trấn S, huyện S, tỉnh L(nay là tổ 2, phường S, thị xã ,tỉnh L).**

Nơi ở: Số nhà 003, đường Lê Hồng Phong, Phường Sa Pa, Thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ công chức xã; Trình độ học vấn: 12/12

Bố đẻ: Hoàng Hữu T, sinh năm 1956; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 cùng trú tại xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh T.

Chồng: Dương Ngọc V, sinh năm 1983, bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010 hiện cùng trú tại Tổ 6. Phường S, Thị xã S, tỉnh L ;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ 25/6/2019 đến ngày 16/10/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền và lợi ích liên quan:

TT	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ
1	Hạng Thị R	1932	Thôn Má Tra, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai
2	Giàng Thị D	1934	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
3	Châu A S	1934	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L
4	Tần Thị T	1934	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
5	Vàng Thị D	1930	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li

6	Hạng A P	1930	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
7	Lý Thị D	1908	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
8	Má Thị C	1925	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
9	Giàng Thị C	1931	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
10	Hạng Thị S	1932	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
11	Hạng A C	1932	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
12	Má Thị S	1932	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
13	Giàng Thị V	1930	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
14	Cứ Thị Tr	1932	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
15	Hạng A C	1932	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
16	Má Thị M	1932	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
17	Má Thị S	1928	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
18	Giàng Thị D	1933	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
19	Giàng Thị Kh	1930	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
20	Má A T	1935	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
21	Thào Thị X	1935	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
22	Thào Thị D	1934	Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh L
23	Giàng A D	1932	Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh L
24	Giàng A T	1930	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L
25	Hạng Thị	1931	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L
26	Thào Thị B	1946	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L
27	Châu Thị S	1926	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L
28	Vàng Thị S	1934	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
29	Giàng A P	1925	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
30	Má A C	1933	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
31	Hạng Thị M	1936	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
32	Hạng Seo T	1932	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
33	Giàng Thị D	1921	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L
34	Thào A D	1922	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L
35	Vàng Thị P	1930	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
36	Hạng Thị S	1932	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
37	Vàng Thị S	1932	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
38	Giàng Thị S	1932	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
39	Giàng Thị P	1920	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
40	Giàng A P	1924	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
41	Vàng Thị S	1911	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L
42	Vàng Thị S	1930	Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh L
43	Giàng A S	1928	Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh L

44	Châu Thị Chú	1930	Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh L
45	Hạng Thị Pay	1934	Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh L
46	Châu Thị Sớ	1926	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L
47	Hạng Thị Sy	2001	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
48	Thào A Lù	2004	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
49	Giàng Thị Tùng	2002	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L
50	Má Thị Xô	2008	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
51	Má A Làng	2004	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
52	Má A Chô	2006	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
53	Má A Chờ	2009	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
54	Giàng A Ký	2005	Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh L
55	Giàng A Tra	2003	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
56	Hàng A Sày	2010	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L
57	Giàng A Kho	2003	Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh L
58	Má A Tùng	1973	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
59	Má A Tinh	1991	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
60	Má A Dơ	2000	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
61	Má A Vồ	1984	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L
62	Giàng A Pay	1995	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
63	Giàng A Dờ	1999	Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Li
64	Má Thị Đô	2009	Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L

vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Ông Giàng A C, sinh năm 1969; Địa chỉ: **Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L.**

+ Ông Giàng A C, sinh năm 1987; Địa chỉ: **Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L.**

+ Ông Nguyễn Quốc L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ 11b, thị trấn S, huyện S, tỉnh L.

Những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Thị N là công chức văn hóa xã hội xã Sa Pả, huyện Sa Pa có nhiệm vụ tham mưu cho UBND xã quản lý về lĩnh vực Lao động - Thương binh và xã hội, theo dõi việc thực hiện chính sách thương binh, xã hội, hôn nhân gia đình; bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, người tàn tật, người có công với cách mạng; đảm bảo chế độ cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn. Hoàng Thị N được giao nhận và chi trả tiền trợ cấp xã hội theo quy trình như sau: Căn cứ vào các hồ sơ của các đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, UBND xã Sa Pả giao cho Hoàng Thị N lập danh sách để UBND xã trình Phòng Lao động -

Thương binh và xã hội huyện đổi chiều để cấp phát tiền trợ cấp xã hội hàng tháng, sau đó Hoàng Thị N nhận tiền và danh sách do Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện cấp để cấp phát tiền cho các đối tượng bảo trợ xã hội. Việc cấp phát tiền Hoàng Thị N giao cho ông Giàng A Chơ (Sinh năm: 1969; Trú quán: **Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L** - Nguyên Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã Sa Pa) trực tiếp chi trả cho các đối tượng, người nhận tiền phải ký tên hoặc điểm chỉ vào danh sách chi trả. Hàng quý, Hoàng Thị N chuyển chứng từ (Gồm cả danh sách đã được người nhận tiền ký nhận, điểm chỉ) và phần kinh phí không chi hết cho Phòng Lao động - Thương binh và xã hội để làm cơ sở quyết toán ngân sách Nhà nước.

Quá trình thực hiện công tác, Hoàng Thị N đã rà soát các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã Sa Pa và tham mưu cho UBND xã Sa Pa lập danh sách gồm: 10 người cao tuổi khi lập hồ sơ đã quá tuổi nên phải truy lĩnh bắt đầu từ thời điểm người đó đủ 80 tuổi theo Khoản 2, Điều 15 Thông tư số 17/2011/TT-BLĐTBXH ngày 19/5/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; 54 đối tượng gồm: 35 đối tượng người cao tuổi trên 80 tuổi, 01 đối tượng người già neo đơn, 11 đối tượng trẻ em khuyết tật nặng, 06 đối tượng khuyết tật nặng độ tuổi từ 16 đến dưới 60 tuổi, 01 đối tượng trẻ mồ côi được hưởng truy lĩnh chế độ bảo trợ hàng tháng do điều chỉnh mức hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 85/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai về việc Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội gửi Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Sa Pa. Căn cứ hồ sơ do UBND xã Sa Pa báo cáo, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Sa Pa đã tham mưu cho UBND huyện Sa Pa ban hành 64 Quyết định về việc trợ cấp xã hội, truy lĩnh trợ cấp xã hội đối với 64 đối tượng bảo trợ xã hội.

Tháng 12/2016, Nguyễn Thị Ngọc Hoan (Sinh năm 1989; Trú quán: Tổ 8, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai) là kế toán Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Sa Pa đã lập danh sách tiền truy lĩnh cho 64 đối tượng bảo trợ xã hội trên theo các Quyết định của UBND huyện Sa Pa đến thời điểm tháng 12/2016 với tổng số tiền là 143.973.000 đồng gồm: 01 danh sách truy lĩnh cho 04 đối tượng người cao tuổi theo Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ với tổng số tiền là 31.140.000 đồng (Những người này trước đó đã được nhận tổng số 12.960.000 đồng theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ); 01 danh sách truy lĩnh trợ cấp xã hội hàng tháng đến hết tháng 11/2016 cho 06 đối tượng người cao tuổi theo Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ với số tiền 44.820.000 đồng; 01 danh sách truy lĩnh trợ cấp xã hội hàng tháng đến hết tháng 11/2016 cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 nâng mức hưởng theo Quyết định số 85/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai đối với 54 đối tượng gồm 35 đối tượng người cao tuổi trên 80 tuổi, 01 đối tượng người già neo đơn, 11 đối tượng trẻ em khuyết tật nặng, 06 đối tượng khuyết tật nặng độ tuổi từ 16 đến dưới 60 tuổi, 01 đối tượng trẻ mồ côi với tổng số tiền là 68.013.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Thị Ngọc Hoan và Nguyễn Quốc Long (Sinh năm 1985; Trú quán: Tổ 11B, thị trấn

Sa Pa, huyện Sa Pa) là thủ quỹ Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thông báo cho Hoàng Thị N lên nhận số tiền trên để về cấp phát cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại xã Sa Pa. Ngày 20/12/2016, Hoàng Thị N đến Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Sa Pa nhận số tiền 171.648.000 đồng gồm 27.675.000 đồng tiền trợ cấp hàng tháng của tháng 12/2016 cho các đối tượng bảo trợ xã hội và 143.973.000 đồng tiền truy lĩnh như đã nêu trên. Nguyễn Thị Ngọc Hoan đưa cho Hoàng Thị N 04 danh sách gồm 03 danh sách truy lĩnh và 01 danh sách trợ cấp tháng 12/2016 tương ứng. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị N cho rằng chỉ cần chi trả phần tiền trợ cấp hàng tháng của tháng 12 cho các đối tượng còn tiền truy lĩnh Các đối tượng sẽ không biết nên N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 143.973.000 đồng. Sau khi về đến UBND xã Sa Pa, Hoàng Thị N đưa số tiền 27.675.000 đồng kèm theo danh sách cho ông Giàng A Chơ đi cấp phát. Số tiền còn lại là 143.973.000 đồng Hoàng Thị N đã giữ lại để chiếm đoạt cho cá nhân và tiêu xài hết. Tháng 02/2017, Nguyễn Quốc Long gọi điện cho Hoàng Thị N yêu cầu nộp các loại chứng từ, do đã chiếm đoạt số tiền truy lĩnh nên Hoàng Thị N gọi Giàng A Chơ ra cầu thang trụ sở UBND xã Sa Pa đưa cho Chơ 03 danh sách truy lĩnh và nói “Đây là danh sách truy lĩnh trợ cấp xã hội của các đối tượng bảo trợ xã hội, tiền thì đến tháng sau mới được lấy nhưng trên Phòng lao động đang cần gấp để quyết toán theo quy định, do thời gian gấp nên anh không phải lấy chữ ký của các đối tượng mà anh về nhà tự điểm chỉ rồi viết tên vào phần ký nhận của các đối tượng là được”. Nghe vậy, Giàng A Chơ cầm danh sách và không hỏi gì thêm. Đến hết giờ chiều buổi làm việc cùng ngày, Giàng A Chơ mang 03 danh sách truy lĩnh trên cùng 01 Hộp mực dầu đỏ tại UBND xã Sa Pa về nhà rồi tự mình dùng 08 đầu ngón tay (trừ hai ngón cái) điểm chỉ lần lượt vào 03 danh sách truy lĩnh. Làm được một lúc Giàng A Chơ đi ăn cơm, sau khi ăn cơm xong, Giàng A Chơ bảo con trai là Giàng A Chứ (Sinh năm 1987; Trú quán: **Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh L**) dùng ngón tay điểm chỉ giúp. Sau khi hoàn thành việc điểm chỉ, Giàng A Chơ viết tên của từng đối tượng được nhận tiền vào danh sách tại phần ký nhận vừa điểm chỉ rồi ký tên mình vào mục người phát tiền. Đến sáng ngày hôm sau, Giàng A Chơ mang 03 bản danh sách truy lĩnh và 01 bản danh sách trợ cấp tháng 12 Chơ đã cấp phát trước đó đến UBND xã Sa Pa đưa cho Hoàng Thị N. Hoàng Thị N mang danh sách trên trình Hạng A Sang (Sinh năm: 1980; Trú quán: **Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh L** - Phó chỉ tịch UBND xã Sa Pa) ký nhận, do là công tác thường xuyên nên Hạng A Sang không hỏi gì và ký xác nhận vào danh sách. Sau đó Hoàng Thị N đóng dấu UBND xã rồi mang các danh sách trên nộp cho Nguyễn Quốc Long.

Ngày 26/10/2017, Đoàn Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Lào Cai tiến hành thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật về người có công và bảo trợ xã hội tại xã Sa Pa và đã phát hiện ra có sai phạm trong việc cấp phát tiền truy lĩnh bảo trợ xã hội. Do lo sợ sự việc bại lộ ảnh hưởng đến bản thân, chiều tối cùng ngày Hoàng Thị N đã lấy tiền cá nhân đi chi trả cho 09 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số tiền là 12.870.000 đồng. Đến ngày 27/10/2017, Hoàng Thị N định tiếp tục đi trả tiền truy lĩnh đã chiếm đoạt cho các đối tượng còn lại nhưng Đoàn thanh

tra Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Lào Cai phát hiện ra sự việc này và yêu cầu N dừng lại đồng thời yêu cầu Hoàng Thị N phải nộp số tiền còn lại đã bị chiếm đoạt là 131.103.000 đồng để phục vụ công tác thanh tra. Làm việc với Đoàn thanh tra, Hoàng Thị N thừa nhận toàn bộ hành vi của bản thân. Từ ngày 28/10/2017 đến ngày 31/10/2019, Hoàng Thị N do lo sợ nên vẫn tự ý lấy tiền cá nhân đi chi trả hết tiền truy lĩnh cho các đối tượng bảo trợ xã hội còn lại với tổng số tiền 131.103.000 đồng. Ngày 31/10/2017, Đoàn thanh tra Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Lào Cai ra Quyết định số 2112/QĐ-SLĐTBXH tạm giữ số tiền 131.103.000 đồng của Hoàng Thị N. Ngày 28/12/2017, Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Lào Cai ban hành Kết luận số 2277/SLĐTBXH-KLTTTr về việc thanh tra việc thực hiện chính sách về Người có công và Bảo trợ xã hội tại huyện Sa Pa, trong đó nêu nội dung vi phạm của Hoàng Thị N đồng thời đề nghị Chủ tịch UBND huyện Sa Pa đối chiếu với quy định pháp luật xử lý theo thẩm quyền. Ngày 14/3/2018, UBND huyện Sa Pa có Quyết định số 288/QĐ-UBND về việc thi hành kỷ luật công chức cấp xã, thi hành kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc đối với Hoàng Thị N. Ngày 22/01/2019, Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 126/QĐ-SLĐTBXH về việc hủy bỏ Quyết định số 2112/QĐ-SLĐTBXH ngày 31/10/2019 trả lại số tiền 131.103.000 đồng tạm giữ của Hoàng Thị N.

Căn cứ tài liệu do Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Lào Cai cung cấp, quá trình điều tra vụ án còn xác định ngày 17/7/2016, anh Má A Máo là con ông Má A Sinh (Sinh năm 1933; Trú quán: **Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh L**, chết ngày 20/5/2016) được trưởng thôn thông báo lên Phòng Lao động - Thương binh xã hội huyện Sa Pa để nhận tiền mai táng phí với số tiền 3.000.000 đồng theo Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND huyện Sa Pa. Nguyễn Quốc Long do bận việc nên đã nhờ Nguyễn Thị Ngọc Hoan chi trả số tiền trên. Tháng 11/2016, do không nhớ việc đã chi trả tiền mai táng phí cho Má A Sinh nên Nguyễn Quốc Long tiếp tục nhờ Hoàng Thị N lên lấy hộ tiền mai táng phí với số tiền 3.000.000 đồng để về chi trả cho người nhà ông Má A Sinh. Hoàng Thị N đã lên gặp Nguyễn Quốc Long và nhận số tiền trên sau đó ký tên người nhận trong phiếu chi. Sau khi mang tiền về, Hoàng Thị N nhờ cán bộ thôn thông báo cho người nhà Má A Sinh nhiều lần nhưng không có người đến nhận. Ngày 28/12/2016, Hoàng Thị N tiếp tục được Nguyễn Quốc Long gọi lên nhờ lấy hộ để chi trả số tiền truy lĩnh trợ cấp mai táng phí là 2.850.000 đồng đối với ông Má A Sinh. Do Nguyễn Quốc Long nhờ hoàn thiện chứng từ, Hoàng Thị N đã ký tên người nhận trong phiếu chi là Má A Máo. Sau khi mang tiền về, Hoàng Thị N vẫn giữ số tiền 5.850.000 đồng để đến khi nào gia đình ông Má A Sinh đến nhận thì Hoàng Thị N sẽ chi trả. Sau khi bị Đoàn thanh tra phát hiện ra sự việc này, Hoàng Thị N đã tự giác đi chi trả số tiền truy lĩnh trợ cấp mai táng phí là 2.850.000 đồng cho gia đình Má A Sinh, còn 3.000.000 đồng đã giao nộp lại cho Đoàn thanh tra Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Lào Cai.

Quá trình điều tra vụ án Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai lần lượt về chữ ký, dấu vết đường vân

đối với 03 danh sách truy lĩnh trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội năm 2016 tại xã Sa Pa. Tại bản Kết luận giám định số 11/GĐTL ngày 12/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: 63 chữ viết tên họ trong 03 danh sách với chữ viết họ tên mang tên Giàng A Chơ trên tài liệu các mẫu so sánh do chữ viết của cùng một người viết ra, 01 chữ viết họ tên với chữ viết họ tên mang tên Giàng A Chơ trên tài liệu các mẫu so sánh không phải chữ viết của cùng một người viết ra. Tại bản Kết luận giám định số 20/GĐĐV ngày 10/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: 10 dấu vân tay in trên tài liệu ký hiệu A1, A2 không đủ yếu tố giám định; 15 dấu vân tay màu đỏ in trên tài liệu ký hiệu A3 đủ yếu tố giám định và dấu vân tay in trên Chỉ bản họ tên Giàng A Chur là của cùng một người. Còn lại 48 dấu vân tay in trên tài liệu không đủ yếu tố giám định. Đến ngày 08/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai tiếp tục ra trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai về chữ ký trong 02 phiếu chi: Phiếu chi số PC246 ngày 25/11/2016 của Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Sa Pa; Phiếu chi số PC269 ngày 20/12/2016 của Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Sa Pa. Tại Bản kết luận giám định số 30/GĐTL ngày 15/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Hoàng Thị N trên tài liệu ký hiệu A1 và A2 với chữ ký, chữ viết mang tên Hoàng Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Bản cáo trạng số 34/CT- VKS-SP ngày 20/11/2019 của viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Pa nay là thị xã Sa Pa truy tố bị cáo Hoàng Thị N về tội “Tham ô tài sản” theo điểm d, đ khoản 2 điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Thị N đã nhận tội và khai rõ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đã đọc bản luận tội với nội dung đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản”.

Đề nghị hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 353 ; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật Hình sự. Tuyên phạt bị cáo Hoàng Thị N từ 07 năm tù đến 08 năm tù. Khấu trừ cho bị cáo số ngày đã tạm giam.

Áp dụng khoản 5 điều 353 bộ luật hình sự phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo từ 01 đến 02 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức phạt tù để bị cáo có điều kiện cải tạo tốt sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sa Pa nay là thị xã Sa Pa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Pa nay là thị xã Sa Pa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị N khai nhận sau khi nhận tiền 171.648.000 đồng gồm 27.675.000 đồng tiền trợ cấp hàng tháng của tháng 12/2016 cho các đối tượng bảo trợ xã hội và 143.973.000 đồng tiền truy lĩnh Hoàng Thị N cho rằng chỉ cần chi trả phần tiền trợ cấp hàng tháng của tháng 12 cho các đối tượng còn tiền truy lĩnh Các đối tượng sẽ không biết nên N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 143.973.000 đồng. Sau khi về đến UBND xã Sa Pả, Hoàng Thị N đưa số tiền 27.675.000 đồng kèm theo danh sách cho ông Giàng A Chơ đi cấp phát. Số tiền còn lại là 143.973.000 đồng Hoàng Thị N đã giữ lại để chiếm đoạt. Tháng 02/2017, Nguyễn Quốc Long gọi điện cho Hoàng Thị N yêu cầu nộp các loại chứng từ, do đã chiếm đoạt số tiền truy lĩnh nên Hoàng Thị N gọi Giàng A Chơ ra cầu thang trụ sở UBND xã Sa Pả đưa cho Chơ 03 danh sách truy lĩnh và nói “Đây là danh sách truy lĩnh trợ cấp xã hội của các đối tượng bảo trợ xã hội, tiền thì đến tháng sau mới được lấy nhưng trên Phòng lao động đang cần gấp để quyết toán theo quy định, do thời gian gấp nên anh không phải lấy chữ ký của các đối tượng mà anh về nhà tự điểm chỉ rồi viết tên vào phần ký nhận của các đối tượng là được”. Giàng A Chơ cầm 03 danh sách truy lĩnh trên cùng 01 Hộp về nhà rồi tự mình dùng 08 đầu ngón và bảo con trai là Giàng A Chử dùng ngón tay điểm chỉ giúp. Sau khi hoàn thành việc điểm chỉ, Giàng A Chơ viết tên của từng đối tượng được nhận tiền vào danh sách tại phần ký nhận vừa điểm chỉ rồi ký tên mình vào mục người phát tiền. Đến sáng ngày hôm sau, Giàng A Chơ mang 03 bản danh sách truy lĩnh và 01 bản danh sách trợ cấp tháng 12 Chơ đã cấp phát trước đó đến UBND xã Sa Pả đưa cho Hoàng Thị N. Hoàng Thị N mang danh sách trên trình Hạng A Sang Phó chỉ tịch UBND xã Sa Pả ký. Sau đó Hoàng Thị N đóng dấu UBND xã rồi mang các danh sách nộp cho Nguyễn Quốc Long.

Đối với số tiền 5.850.000 đồng do long nhờ chi trả cho gia đình ông Má A Sinh. Sau khi bị Đoàn thanh tra phát hiện, Hoàng Thị N đã tự giác đi chi trả số tiền truy lĩnh trợ cấp mai táng phí là 2.850.000 đồng cho gia đình Má A Sinh, còn 3.000.000 đồng đã giao nộp lại cho Đoàn thanh tra Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Lào Cai.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Hoàng Thị N phạm tội “Tham ô tài sản”.

Bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 143.973.000 đồng là tiền do nhà nước chi trả cho các đối tượng là người già, người tàn tật được hưởng trợ cấp xã hội. Nhưng ở thời điểm bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền trên, tại khoản 2, Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009 chưa có quy định tình tiết tăng nặng định khung hình phạt về hành vi” chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói giảm nghèo, tiền phụ cấp, trợ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng, các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền trợ cấp quyên góp cho những vùng thiên tai dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn”. Tại điểm đ khoản 2, Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa

đổi năm 2017 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018 có quy định tình tiết tăng nặng định khung ” chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói giảm nghèo, tiền phụ cấp, trợ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng, các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền trợ cấp quyền góp cho những vùng thiên tai dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn”, nhưng ở thời điểm bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thì luật chưa có hiệu lực thi hành . Mặc dù viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Pa (Nay là thị xã Sa Pa) truy tố bị cáo Hoàng Thị N về tội “Tham ô tài sản” theo điểm d, đ khoản 2 điều 353 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào quy định tại khoản 2, Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm c khoản 1 điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH 14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội và Công văn số 276/TANDTC ngày 13/9/2016 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành bộ luật hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử chỉ xét xử bị cáo Hoàng Thị N về tội “Tham ô tài sản” theo điểm d khoản 2 điều 353 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất lòng tin của nhân dân đối với việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ nhân đạo, an sinh xã hội , gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước, quyền và lợi ích của công dân ,xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước,tổ chức xã hội và gây ảnh hưởng sâu đến trật tự trị an tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì vậy cần phải xét xử bị cáo bằng pháp luật và cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội để cải tạo,giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Bị cáo là phụ nữ, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho tất cả 64 đối tượng được hưởng tiền chính sách xã hội trước khi vụ án bị khởi tố. Bị cáo có ông ngoại là liệt sĩ, ông nội bà ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân chương vì có công lao trong cuộc kháng chiến cứu nước. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy đối với bị cáo cần có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51. Bị cáo có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung đối với bị cáo: Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo trong lĩnh vực quản lý về chính sách xã hội, theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Đối với Giàng A Chơ và Giàng A Chứ đã diễm chi vào danh sách nhận tiền và ông Giàng A Sàng đã ký danh sách nhận tiền nhưng không có hành vi chiếm đoạt tiền nên cơ quan điều tra không đề nghị xử lý về hình sự lý là phù hợp.

Đối với Nguyễn Quốc Long và Nguyễn Thị Ngọc Hoan đã có thiếu sót trong việc chi thừa số tiền mai táng phí cho ông Má A Sinh nhưng không có mục đích chiếm đoạt, mặt khác bị cáo N đã trả đủ tiền cho đối tượng được hưởng và nộp trả lại ngân sách số tiền chi sai nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Qua điều tra, xác định từ ngày 26/10/2017 đến hết ngày 31/10/2017, Hoàng Thị N đã khắc phục chi trả đủ số tiền 143.973.000 đồng cho 64 đối tượng được truy lĩnh tiền bảo trợ xã hội năm 2016 tại xã Sa Pả do đó Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề giải quyết.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Hoàng Thị N 143.973.000 đồng kết quả điều tra xác định trong các ngày từ 26/10/2017 đến 31/10/2017 Hoàng Thị N đã bồi thường toàn bộ số tiền trên cho 64 đối tượng được truy lĩnh tiền bảo trợ xã hội năm 2016 tại xã Sa Pả do đó Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01/2020/QĐSLVC ngày 16/01/2020 trả lại số tiền đã thu giữ cho bị cáo Hoàng Thị N là phù hợp.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Hoàng Thị N phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị N phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng Điểm d khoản 2 Điều 353; Điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 1, Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị N 06(sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Được khấu trừ cho bị cáo 03 tháng 23 ngày đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2019 đến ngày 16/10/2019.

2. Về hình phạt bổ sung đối với bị cáo: Áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự cấm đảm nhiệm chức vụ trong lĩnh vực quản lý về chính sách xã hội đối với bị cáo trong thời hạn 01 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Thị N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền và lợi ích liên quan được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Phòng PV 06 CA tỉnh
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- TGPL;
- T.H.A;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nghiêm Mạnh Quân